TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ DĨ AN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 232/2024/HSST
Ngày 13-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Lợi - Phó Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam phường An Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ - Cán bộ hưu trí.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Việt Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà*:** Ông Cao Tấn Ngoan, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 165/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Trương Thị Bích T, sinh năm 1980 tại tỉnh Bạc Liêu; thường trú: Ấp A, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: Số H khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Trương Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị X (đã chết); bị cáo có 09 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm không rõ (đã chết), nhỏ nhất sinh năm 1983; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; có 02 con ruột, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1971 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1974; ông Trần Thanh P1, sinh năm 1997; ông Trần Thanh T2, sinh năm 2003 và em Trần Thị Thanh V, sinh ngày 12/4/2008; cùng thường trú: Số A đường N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; ông P1 và ông T2 ủy quyền bà H1 có mặt tại phiên tòa, em V vắng mặt.

2. Ông Huỳnh Đức T3, sinh năm 1966; thường trú: Số A đường N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972; thường trú: Số B, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn T4 và Lâm Thanh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thị Bích T có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 741188007992 do sở Giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 21/8/2018, có giá trị sử dụng không thời hạn. Ông Huỳnh Đức T3 có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số N285960 do Sở Giao thông Vận tải Thành phố H cấp ngày 12/07/2003, có giá trị không thời hạn.

Khoảng 15 giờ ngày 27/8/2023, Trương Thị Bích T điều khiển xe mô tô biển số 66C1-448.14 từ nhà trọ số H, khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương để ra đi mua thuốc trị bệnh đau nhứt. Khi đến đường Đ, T điều khiển xe mô tô rẽ trái vào đường ĐT743A và đi bên trái chiều đường theo hướng từ Ngã ba T đi chợ B. Trong lúc, T đang lưu thông (bên trái) trên đường ĐT743A đến khu vực trước cổng Đình thần B thuộc khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì phần phía trước bên phải xe mô tô biển số 66C1-448.14 do T điều khiển va chạm với phần phía trước bên phải xe mô tô biển số 51X7-2753 do ông Huỳnh Đức T3 điều khiển, phía sau chở ông Trần Văn T1 lưu thông trên đường ĐT743A theo hướng từ chợ B về Ngã ba T, dẫn đến tai nạn giao thông.

- Hậu quả: Ông Trần Văn T1 bị thương được đưa đi cấp cứu và chết tại Trung tâm y tế thành phố D, ông Huỳnh Đức T3 bị thương tích, Trương Thị Bích T bị xây xát nhẹ, 02 xe mô tô bị hư hỏng nhẹ.

* Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô biển số 66C1-448.14 và 01 (một) xe mô tô biển số 51X7-2753.

* Căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 15 giờ 40 phút ngày 27/8/2023 tại đường Đ, khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, thể hiện:

Đoạn đường nơi hiện trường xảy ra tai nạn là đường ĐT743A, mặt đường được trải nhựa bằng phẳng, đường 2 chiều không có dải phân cách mà chỉ có vạch sơn liền ở giữa để phân ra làm 2 chiều đường riêng biệt. Chiều đường hướng từ chợ B về ngã 3 T có 2 làn đường: Làn đường sát mép lề rộng là 2m30, làn đường phía ngoài rộng là 3m50. Chiều đường hướng ngược lại có 2 làn đường: Làn đường sát mép lề rộng là 2m30, làn đường phía ngoài rộng là 3m80.

- (1) Xe môtô biển số 66C1-448.14, sau tai nạn xe ngã đổ nghiêng về bên trái nằm trên làn đường phía trong sát mép lề chuẩn, đầu quay về hướng

chợ B. Trục bánh trước cách mép lề chuẩn là 0m30. Trục bánh sau cách mép lề chuẩn là 0m50.

- (2) Xe môtô biển số 66C1-448.14, có để lại vết cày đứt quãng của gác chân trước bên trái trên đường, dài đến gác chân trước của xe là 0m80, đầu vết cày cách mép lề chuẩn là 0m20.

- (3) Xe môtô biển số 51X7-27.53, sau tai nạn xe ngã đổ nghiêng về bên trái nằm trên làn đường sát mép lề chuẩn, đầu xe quay vào trong lề. Trục bánh trước cách mép lề chuẩn là 0m50. Trục bánh sau cách mép lề chuẩn là 1m65 và cách trục bánh sau xe (1) là 3m70.

- (4) Xe môtô biển số 51X7-27.53, có để lại vết cày đứt quãng của gác chân trước bên trái trên đường, dài đến gác chân trước của xe là 2m80, đầu vết cày cách mép lề chuẩn là 1m30.

- (5) Vết máu: Hiện trường có để lại vết máu loang trên đường, cách mép lề chuẩn là 0m30 và cách trục bánh trước xe (2) là 0m55.

- (6) Vết máu: Hiện trường có để lại vết máu loang thứ 2 trên đường, cách mép lề chuẩn là 1m80 và cách vết máu ký hiệu số (5) là 1m70.

- (7) Trụ điện bê tông số 27 làm mốc đo đến trục bánh trước bên trái của xe (3) là 4m10.

***** Căn cứ Kết luận giám định pháp y tử thi số: 685/KLGĐTT-PC09 ngày 30/08/2023 của Phòng K Công an tỉnh B, đối với tử thi Trần Văn T1, như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Nhiều vết xây xát da, tụ máu bên ngoài.

+ Vỡ xương sọ vùng chẩm, thái dương phải, hồ sọ, sàn sọ.

+ Xuất huyết hai bán cầu đại não, tiểu não.

+ Dập não vùng trán hai bên, nặng bên phải.

+ Xuất huyết trong cầu não, thân não.

+ Xuất huyết trong tiểu não hai bên.

2. Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não.

* Căn cứ Kết luận giám định số: 359/KL-KTHS(CH) ngày 29/09/2023, của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận:

1. Dấu vết va chạm giữa hai phương tiện là:

- Dấu vết trượt xước sơn màu xanh, bám dính chất màu đen (dạng sơn), vỡ khuyết ốp nhựa bên phải đèn chiếu sáng trước xe mô tô biển số 51X7-2753, có chiều từ trước về sau (ảnh 3) phù hợp với dấu vết trượt xước sơn màu đen, bám dính chất màu xanh (dạng sơn), vỡ khuyết ốp nhựa bên phải đầu xe mô tô biển số 66C1-448.14, có chiều từ trước về sau (ảnh 4).

- Dấu vết trượt xước sơn màu xanh, bám dính chất màu đen (dạng sơn) ở bên phải mặt nạ trước, bửng chắn gió bên phải xe mô tô biển số 53X7-2753, có chiều từ trước về sau (ảnh 5,7) phù hợp với dấu vết trượt xước sơn màu đen, bám dính chất màu xanh (dạng sơn), vỡ khuyết bên phải mặt nạ trước, bửng chắn gió bên phải xe mô tô biển số 66C1-448.14, có chiều từ trước về sau (ảnh 6,8).

- Dấu vết trược xướt kim loại, cong ép chân phanh về sau xe mô tô biển số 51X7-2753, có chiều từ trước về sau (ảnh 9) phù hợp với dấu vết trượt xước kim loại, cong ép chân phanh xe mô tô biển số 61C1-448.14 có chiều từ trước về sau (ảnh 10).

2. Cơ chế hình thành dấu vết va chạm giữa phương tiện là: Phần phía trước bên phải xe môtô biển số 51X7-2753 va chạm vào phần phía trước bên phải xe mô tô biển số 66C1-448.14 theo hướng ngược chiều (như mục 1) tạo ra dấu vết trên hai phương tiện.

3. Vị trí va chạm đầu tiên chiếu xuống mặt đường giữa hai phương tiện là: Khu vực giữa hai đầu vết cày số (2) và số (4) trên Sơ đồ hiện trường.

* Căn cứ Kết luận giám định về thương tích số: 1101/KLTTCT-TTPYDDN ngày 16/02/2024 của Trung tâm giám định pháp y – Sở Y tế tỉnh Đ, kết luận thương tích của Huỳnh Đức T3, như sau:

1. Các dấu hiệu chính: (khám giám định, chuyên khoa, cận lâm sàng).

- Sẹo mu bàn chân phải dài 13cm, rộng nhất 01cm, hẹp nhất 0,3cm. Tỷ lệ: 03%.
- Vết mổ gan bàn chân phải kích thước 0,8x0,2cm. Tỷ lệ: 01%.
- Vỡ xương đá trái không để lại di chứng. Tỷ lệ 16%.
- Gãy mảnh chân bướm trái. Tỷ lệ 1%.
- Gãy thành hốc mắt trái không ảnh hưởng thị lực. Tỷ lệ 5%.
- Gãy cung gò má trái không ảnh hưởng chức năng. Tỷ lệ 8%.
- Gãy thành xoang hàm trái không di lệch. Tỷ lệ 7%.
- Gãy ngành lên xương hàm dưới bên trái không ảnh hưởng chức năng. Tỷ lệ 8%.
- Gãy xương bàn 2,3 bàn chân phải không gây biến dạng. Tỷ lệ 10%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Huỳnh Đức T3 là 47% (Bốn mươi bảy phần trăm), áp dụng theo phương pháp cộng lùi tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định về tổn thương cơ thể trong giám định pháp y.

* Tại Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của ông Nguyễn Đức T5 là 37,81 mmol/l chuyển đổi ra miligam/l: 37,81 x 4,608 = 174,228 miligam/100 mililit.

* Tại Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của Trương Thị Bích T: Âm tính.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hai, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về về Kết luận giám định pháp y tử thi số: 685/KLGĐTT-PC09 ngày 30/08/2023 của Phòng K Công an tỉnh B; Kết luận giám định số: 359/KL-KTHS(CH) ngày 29/09/2023, của Phòng K Công an tỉnh B; Kết luận giám định về thương tích số: 1101/KLTTCT-TTPYDDN ngày 16/02/2024 của Trung tâm giám định pháp y - Sở Y tế tỉnh Đ; biên bản khám nghiệm hiện trường; bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông.

Cáo trạng số: 188/CT-VKS-DA ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trương Thị Bích T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ

luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Trương Thị Bích T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 53X7-2753 do ông Huỳnh Đức T3 đứng tên chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra Công an thành phố D đã ra quyết định trả lại xe cho ông T3 và đối với 01 (một) xe mô tô biển số 66C1-448.14 do ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972; thường trú: Số B, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, là anh chồng của bị cáo Trương Thị Bích T đứng tên chủ sở hữu. Ông H2 đã bán xe cho bị cáo Trương Thị Bích T nhưng chưa làm thủ tục sang tên, xe có giấy tờ hợp lệ nên Cơ quan điều tra Công an thành phố D đã trả lại xe cho bị cáo T.

- Đối với 01 (một) giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 741188007992 do Sở Giao thông Vận tải tỉnh B cấp ngày 21/8/2018, có giá trị sử dụng không thời hạn cấp cho Trương Thị Bích T đề nghị tuyên trả lại cho Trương Thị Bích T.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trương Thị Bích T hỗ trợ tiền chi phí mai táng cho gia đình bị hại Trần Văn T1, tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Bà Phạm Thị H1 (vợ của bị hại Trần Văn T1), đã nhận số tiền trên và không yêu cầu gì khác. Bị hại Huỳnh Đức T3 bị thương tích và xe mô tô biển số 51X7-2753 của ông T3 bị hư hỏng nhưng ông T3 không yêu cầu bị cáo T bồi thường nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo và bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự đồng thời trong lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn H2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn H2.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người chứng kiến; các kết quả giám định; biên bản khám nghiệm hiện trường và chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 15 giờ ngày 27/8/2023, Trương Thị Bích T điều khiển xe mô tô biển số 66C1-448.14 lưu thông trên đường ĐT743A theo hướng từ Ngã ba T đi chợ B. Khi đi đến khu vực trước cổng Đ thần B thuộc khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, T điều khiển xe mô tô biển số 66C1-448.14 lưu thông không đúng phần đường quy định (lưu thông bên trái theo chiều đi) nên đã để phần phía trước bên phải xe mô tô biển số 66C1-448.14 do T điều khiển va chạm với phần phía trước bên phải xe mô tô biển số 51X7-2753 do ông Huỳnh Đức T3 điều khiển, phía sau chở ông Trần Văn T1, gây tai nạn giao thông làm ông T1 chết trên đường đi cấp cứu, còn ông T3 bị thương tích 47%.

[3] Như vậy, hành vi của bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 66C1-448.14 đi không đúng phần đường quy định (lưu thông bên trái theo chiều đi) trên ĐT743A thuộc khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, gây tai nạn giao thông dẫn đến hậu quả nghiêm trọng đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ, là nguyên nhân gây tai nạn giao thông, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng số: 188/CT-VKS-DA ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Trương Thị Bích T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tội phạm do bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, hành vi điều khiển xe ô tô đi không đúng phần đường quy định (lưu thông bên trái theo chiều đi) dẫn đến tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng của bị cáo là nguy hiểm, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe và tính mạng con người được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại xin bãi nại và miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đồng thời trong vụ án có một phần lỗi của bị hại là điều khiển xe mô tô khi có nồng độ cồn vượt mức cho phép. Đây là những tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo là công nhân lao động, hiện bị cáo đang nuôi con gái bị bệnh động kinh nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội nghiêm trọng nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nghề nghiệp ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đang nuôi dưỡng, chăm sóc con gái bị bệnh động kinh, bị hại có đơn xin giảm nhẹ và miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đồng thời trong thời gian tại ngoại bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương. Vì vậy, việc không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian cũng không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm tại địa phương, nên quyết định áp dụng loại hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú. Do áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo nên cần hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 324/2024/HSST-LCĐKNCT ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 *"Người phạm tội còn có thể cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm"*. Tuy nhiên, áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 53X7-2753 do ông Huỳnh Đức T3 đứng tên chủ sở hữu, Cơ quan điều tra Công an thành phố D đã ra quyết định trả lại xe cho ông T3 và đối với 01 (một) xe mô tô biển số 66C1-448.14 do ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972; thường trú: Số B, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, là anh chồng của bị cáo Trương Thị Bích T đứng tên chủ sở hữu. Ông H2 đã bán xe cho bị cáo Trương Thị Bích T nhưng chưa làm thủ tục sang tên, xe có giấy tờ hợp lệ, Cơ quan điều tra Công an thành phố D đã trả lại xe cho bị cáo T nên không đặt ra xem xét.

- Đối với 01 (một) giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 741188007992 do Sở Giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 21/8/2018, có giá trị sử dụng không thời hạn cấp cho Trương Thị Bích T đề nghị tuyên trả lại cho Trương Thị Bích T, do không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo nên cần tuyên trả lại cho Trương Thị Bích T.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trương Thị Bích T hỗ trợ tiền chi phí mai táng cho gia đình bị hại Trần Văn T1, tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Bà Phạm Thị H1 (vợ của bị hại Trần Văn T1), đã nhận số tiền trên và không yêu cầu gì khác. Bị hại Huỳnh Đức T3 bị thương tích và xe mô tô biển số 51X7-

2753 của ông T3 bị hư hỏng nhưng ông T3 không yêu cầu bị cáo T bồi thường nên trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân tốt, hiện bị cáo đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con gái bị bệnh động kinh, sinh hoạt cá nhân hằng ngày gặp nhiều khó khăn, nếu buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù thì ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của các con bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện sư khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[12] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thị Bích T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

1.1 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NĐ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 01/2022/NĐ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Xử phạt bị cáo Trương Thị Bích T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Trương Thị Bích T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Hủy Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 324/2024/HSST-LCĐKNCT ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Trương Thị Bích T.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho Trương Thị Bích T 01 (một) giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 741188007992 do Sở Giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 21/8/2018, có giá trị sử dụng không thời hạn.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/7/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Trương Thị Bích T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA